| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NAM TRỰC**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH**<br>Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 29-11-2024<br>V/v: "Ly hôn, nuôi con chung giữa chị H và anh Th" | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Xuân Tiến;

Ông Nguyễn Thế Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; ĐKHKTT: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: xóm F+7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

*Người làm chứng*: Bà Ngô Thị Hải Y, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Chị H, anh T đề nghị xét xử vắng mặt; bà Y vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24-10-2024 và B tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại xã N. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống không hợp. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm gì đến nhau và anh T có người mới. Từ tháng 8/2021 chị đã về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án được ly hôn với anh T để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Thị Cẩm T1, sinh ngày 31/5/2008, Vũ Khôi N, sinh ngày 17/12/2009 và Vũ Ngọc Á, sinh ngày 13/10/2013. Hiện nay các con đang ở cùng với anh T và bà nội. Khi ly hôn chị H có nguyện được nuôi con chung Vũ Thị Cẩm T1 còn nhường anh T được quyền nuôi 02 con chung là Vũ Khôi N và Vũ Ngọc Á. Nếu các con có nguyện vọng ở với bố hay mẹ chị sẽ tôn trọng ý kiến của các con. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nếu anh T muốn nuôi cả ba con chị sẽ nhường quyền cho anh được nuôi cả ba con. Chị H sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình, hiện nay chị làm Công ty thu nhập khoảng 07 - 08 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn anh Vũ Văn T có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian vợ chồng kết hôn chung sống. Theo anh T thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống Hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H tự nhiên bỏ nhà ra đi không có quan tâm gì đến chồng con. Thi thoảng chị H có về thăm con, gọi con về nhà ngoại để chơi với con chứ không có liên lạc gì với anh. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nay cô H làm đơn xin ly hôn anh, anh cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị H để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Thị Cẩm T1, sinh ngày 31/5/2008, Vũ Khôi N, sinh ngày 17/12/2009 và Vũ Ngọc Á, sinh ngày 13/10/2013. Hiện nay các con đang ở cùng với anh và bà nội. Nay ly hôn anh nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Cẩm T1, anh sẽ tiếp tục, trực

tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Khôi N và Vũ Ngọc Á. Việc cấp dưỡng nuôi con do sự tự nguyện của hai bên. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Còn các con có nguyện vọng ở với ai anh sẽ tôn trọng ý kiến của các con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T có lời khai thống nhất với lời khai của chị H là vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh T tại nơi cư trú: Đại diện Ủy ban nhân dân xã N cho biết, anh T và chị H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Anh T và chị H có 03 con chung đều đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N. Hiện nay ba con chung đang ở cùng anh T và bà Ngô Thị Hải Y mẹ đẻ anh T. Về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện kinh tế và khả năng nuôi con của anh T và chị H như thế nào địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở và không thuộc diện khai báo thu nhập tại địa phương. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai bà Ngô Thị Hải Y trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T và là mẹ chồng của chị H. Anh T và chị H có đăng ký kết hôn với nhau do tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh T chị H sống cùng nhà với bà cho đến tận hiện nay, hàng ngày bà vẫn giúp chăm sóc các cháu khi anh T chị H đi làm. Quá trình chung sống vợ chồng anh T vẫn bình thường, không có cãi chửi nhau gì. Anh T và chị H có 03 con chung tên là Vũ Thị Cẩm T1, Vũ Khôi N và Vũ Ngọc Á. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh T và tôi. Từ khi chị H bỏ đi anh T trực tiếp nuôi các con, nhưng do hàng ngày anh T đi làm nên có nhờ tôi chăm sóc các cháu ăn uống và học hành thay anh T. Chị H thi thoảng có gọi điện hỏi thăm và đón con về nhà ngoại chơi khi chị H được nghỉ làm. Từ năm 2023 chị H có đóng tiền học cho cháu Vũ Thị Cẩm T1 còn việc ăn uống hàng ngày do anh T và bà lo cho các cháu. Nay chị H đề nghị ly hôn, bà không có ý kiến gì vì việc ly hôn là quyền của anh T chị H. Bà mong chị H cũng phải có trách nhiệm với các con và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị H và anh T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tại phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Vũ Thị Cẩm T1, sinh ngày 31/5/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Khôi N, sinh ngày 17/12/2009 và Vũ Ngọc Á, sinh ngày 13/10/2013 cho anh Vũ Văn T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2007. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình, quan điểm sống không hợp và anh T có người mới. Từ tháng 8/2021 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm gì đến nhau, chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T. Phía anh T cho rằng chị H tự nhiên bỏ nhà ra đi không có quan tâm gì đến chồng con. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh cũng xác định không còn tình cảm với chị H nên anh cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp và thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Từ tháng 8 năm 2021 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả chị H và anh T đều không có biện pháp, hành động thiết thực nào nhằm hàn gắn tình cảm. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân, nay chị H đề nghị được ly hôn anh, anh cũng nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được. Từ những phân tích trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Thị Cẩm T1, sinh ngày 31/5/2008, Vũ Khôi N, sinh ngày 17/12/2009 và Vũ Ngọc Á, sinh ngày 13/10/2013. Hiện nay các con đang ở cùng với anh và bà nội. Nay ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Cẩm T1, còn nhường anh T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Khôi N và Vũ Ngọc Á. Nếu các con có nguyện vọng ở với bố hay mẹ chị sẽ tôn trọng ý kiến của các con. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Phía anh T nhất trí để chị H được nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Cẩm T1, anh sẽ tiếp tục, nuôi dưỡng con chung Vũ Khôi N và Vũ Ngọc Á. Việc cấp dưỡng nuôi con do sự tự nguyện của hai bên và các con có nguyện vọng ở với ai anh sẽ tôn trọng ý kiến của các con.

Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của hai bên thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, 03 con chung vẫn do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nay ly hôn, chị H và anh T đã thống nhất được việc nuôi con chung do anh T chị H đều có thu nhập ổn định và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con là cháu Vũ Thị Cẩm T1 có nguyện vọng được ở với chị H; cháu Vũ Khôi N và Vũ Ngọc Á có nguyện vọng được ở với anh T. Phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Ngô Thị Hải Y là mẹ đẻ anh T sẽ hỗ trợ giúp anh anh T chăm sóc các cháu vì từ khi chị H bỏ đi các con đều ở với anh T và bà nội. Vì vậy, cần giao con chung là Vũ Thị Cẩm T1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Khôi N và Vũ Ngọc Á cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên. Hiện nay ba con chung đang ở cùng anh T nên anh T có trách nhiệm giao con chung Vũ Thị Cẩm T1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị H, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Thị Cẩm T1, sinh ngày 31/5/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao hai con chung Vũ Khôi N, sinh ngày 17/12/2009 và Vũ Ngọc Á, sinh ngày 13/10/2013 cho anh Vũ Văn T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh T có trách nhiệm giao con chung Vũ Thị Cẩm T1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005186 ngày 24/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Nam Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**Phạm Thúy Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Bình** **Lưu Xuân Tiến**